

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 2 - NĂM 2026**

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh (sau sắp nhập)	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy Toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 10	Thang điểm 4		
1	1223360201	Nguyễn Văn Trường	21/11/2005	Nam	TP.HCM	01PM15C1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2022-2024	52	6,3	2,00	Trung bình	
2	54222310044	Nguyễn Xuân Hiên	19/06/2008	Nam	TP.HCM	02PM16C1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	7,9	3,20	Giỏi	
3	54212310024	Nguyễn Tiến Thành	22/05/2008	Nam	TP.HCM	01PM16C1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2023-2025	53	6,8	2,42	Trung bình	
4	54212410036	Lê Hoàng Trường Huy	20/08/2009	Nam	TP.HCM	01PM17C1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2024-2026	51	7,3	2,65	Khá	
5	54222410066	Lê Trần Anh Tuấn	07/05/2007	Nam	TP.HCM	02PM17C1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	2024-2026	51	7,2	2,71	Khá	
6	2223180020	Mai Thị Thanh Hằng	04/06/1995	Nữ	TP.HCM	02DS15B1	Dược	2022-2024	73	7,4	2,74	Khá	
7	54212320043	Phạm Thị Lan Nhi	05/10/1996	Nữ	Lâm Đồng	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	7,6	3,01	Giỏi	
8	54212320037	Đỗ Thị Quỳnh Như	04/01/2005	Nữ	Tây Ninh	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	7,7	2,94	Khá	
9	54222320107	Đậu Thị Trang	14/02/2005	Nữ	Nghệ An	02DS16B1	Dược	2023-2025	71	7,2	2,60	Khá	
10	1223180002	Võ Hồng Vân	06/02/1970	Nữ	Tây Ninh	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	7,4	2,81	Khá	
11	54212320036	Đỗ Thị Hào Yến	15/03/2001	Nữ	Tây Ninh	01DS16B1	Dược	2023-2025	71	7,6	2,94	Khá	
12	54212420009	Nguyễn Thị Ngọc Ái	20/08/2004	Nữ	Quảng Ngãi	01DS17A1	Dược	2024-2026	70	7,9	3,15	Giỏi	
13	54212420020	Lê Quỳnh Anh	15/04/2006	Nữ	TP.HCM	01DS17A1	Dược	2024-2026	70	7,8	3,13	Giỏi	
14	54222420012	Nguyễn Thị Hồng Cúc	05/06/1995	Nữ	Vĩnh Long	02DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,1	3,24	Giỏi	
15	54222410096	Nguyễn Ngọc Thiên Du	22/04/2009	Nữ	TP.HCM	02DS17C1	Dược	2024-2026	70	7,0	2,58	Khá	
16	54222430025	Bùi Tiến Dũng	12/05/1982	Nam	Đồng Tháp	02DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,1	3,31	Giỏi	
17	54212430020	Nguyễn Thị Ngọc Điểm	24/06/1993	Nữ	Tây Ninh	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,7	3,63	Xuất sắc	
18	54212410138	Phạm Võ Trường Giang	22/01/2006	Nam	TP.HCM	01DS17C1	Dược	2024-2026	70	7,3	2,60	Khá	
19	54212420008	Phan Thị Ngọc Giàu	05/09/2004	Nữ	Tây Ninh	01DS17A1	Dược	2024-2026	70	7,9	3,18	Giỏi	
20	54222420021	Hồ Mạnh Huy	16/09/1989	Nam	Khánh Hoà	02DS17B1	Dược	2024-2026	70	7,4	2,82	Khá	
21	54212430012	Ninh Thị Thu Hương	12/04/1987	Nữ	Ninh Bình	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,8	3,77	Xuất sắc	
22	54222410125	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	18/03/2009	Nữ	TP.HCM	02DS17C1	Dược	2024-2026	70	7,2	2,76	Khá	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy Toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
											Thang điểm 10	Thang điểm 4		
23	54212430007	Lê Thị	Mão	02/08/1987	Nữ	TP.Huế	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,3	3,47	Giỏi	
24	54212430001	Lê Nhật	Minh	30/03/1999	Nam	TP.HCM	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	7,8	3,08	Giỏi	
25	54212410052	Võ Nguyễn Phương	Nam	24/04/2009	Nam	TP.HCM	01DS17C1	Dược	2024-2026	70	6,7	2,22	Trung bình	
26	54212430019	Nguyễn Thu	Ngân	04/12/2001	Nữ	TP.HCM	01DS17A1	Dược	2024-2026	70	8,5	3,47	Giỏi	
27	54222430011	Trần Đại	Nghĩa	29/07/2004	Nam	Kiên Giang	02DS17A1	Dược	2024-2026	70	7,6	2,88	Khá	
28	54212410154	Huỳnh Thị Bích	Nhi	10/10/1999	Nữ	Tây Ninh	01DS17C1	Dược	2024-2026	70	8,6	3,49	Giỏi	
29	54222410131	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	06/10/2009	Nữ	TP.HCM	02DS17C1	Dược	2024-2026	70	7,3	2,60	Khá	
30	54212430004	Nguyễn Thị Hồng	Phát	12/12/2001	Nữ	Tây Ninh	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,2	3,32	Giỏi	
31	54212410152	Nguyễn Thị Bích	Tiền	20/11/2007	Nữ	TP.HCM	01DS17C1	Dược	2024-2026	70	8,4	3,49	Giỏi	
32	54212420013	Hà Thị Thu	Thảo	24/04/2002	Nữ	Tây Ninh	01DS17A1	Dược	2024-2026	70	8,1	3,13	Giỏi	
33	54222430010	Dương Minh	Thuận	22/10/1997	Nam	TP.HCM	02DS17A1	Dược	2024-2026	70	8,6	3,64	Xuất sắc	
34	54222420032	Phạm Thị Thuỳ	Trang	20/03/2001	Nữ	Kiên Giang	02DS17A1	Dược	2024-2026	70	8,9	3,75	Xuất sắc	
35	54212420012	Phạm Thị Vân	Trang	20/09/1994	Nữ	Khánh Hoà	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,8	3,81	Xuất sắc	
36	54212430016	Nguyễn Thị Thu	Trâm	14/01/1998	Nữ	TP.HCM	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,3	3,41	Giỏi	
37	54212430022	Nguyễn Công	Trí	03/07/1994	Nam	Tây Ninh	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	7,8	3,08	Giỏi	
38	54222420055	Phạm Bảo	Triều	02/12/1981	Nam	Quảng Ngãi	02DS17B1	Dược	2024-2026	70	8,9	3,82	Xuất sắc	
39	54212420034	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	03/03/2005	Nữ	TP.HCM	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	8	3,12	Giỏi	
40	54212420017	Nguyễn Thị Hồng	Yến	26/06/1995	Nữ	Tây Ninh	01DS17B1	Dược	2024-2026	70	7,6	2,97	Khá	
41	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	Nữ	TP.HCM	02DD15C1	Điều dưỡng	2022-2024	67	6,5	2,22	Trung bình	
42	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	24/06/2007	Nữ	TP.HCM	02DD15C1	Điều dưỡng	2022-2024	67	8,1	3,13	Giỏi	
43	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	Nữ	TP.HCM	02DD15C1	Điều dưỡng	2022-2024	67	6,9	2,50	Khá	
44	54222430029	Hoàng Thùy	An	07/12/1990	Nữ	TP.HCM	02DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,4	3,39	Giỏi	
45	54222410026	Lê Trần Minh	Anh	31/10/2009	Nam	TP.HCM	02DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,4	2,75	Khá	
46	54222430032	Lê Đỗ Kim	Anh	13/01/1980	Nữ	TP.HCM	02DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,3	3,34	Giỏi	
47	54222420028	Nguyễn Đức	Bảo	02/07/1998	Nam	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,7	2,92	Khá	
48	54222410064	Trần Hà Mỹ	Huyền	11/09/2009	Nữ	TP.HCM	02DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	6,3	2,11	Trung bình	
49	54222410030	Nguyễn Bảo Kim	Khánh	06/11/2009	Nữ	TP.HCM	02DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,3	2,67	Khá	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy Toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
											Thang điểm 10	Thang điểm 4		
50	54212410131	Đoàn Thị Chúc	Linh	04/11/2007	Nữ	TP.HCM	01DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	6,5	2,19	Trung bình	
51	54222430001	Nguyễn Ngọc	Loan	14/06/1985	Nữ	TP.HCM	02DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8	3,23	Giỏi	
52	54222410040	Phan Tấn	Lộc	02/05/2009	Nam	TP.HCM	02DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,6	2,96	Khá	
53	54212430002	Hoàng Thị Lệ	My	30/04/1987	Nữ	Gia Lai	01DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,8	3,73	Xuất sắc	
54	54222420031	Trương Thị Ứng	Mỹ	16/04/1990	Nữ	TP.HCM	02DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,3	3,42	Giỏi	
55	54222420050	Bùi Thị Hàn	Ni	11/01/1976	Nữ	Quảng Ngãi	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,8	3,07	Giỏi	
56	54212410114	Đoàn Thị Thúy	Nga	04/05/2009	Nữ	TP.HCM	01DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	6,4	2,15	Trung bình	
57	54212420026	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	14/06/2006	Nữ	TP.HCM	01DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,1	2,60	Khá	
58	54222430002	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/09/1992	Nam	Gia Lai	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,1	3,30	Giỏi	
59	54222420095	Võ Trọng	Nghĩa	04/10/1996	Nam	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,2	3,35	Giỏi	
60	54212410097	Nguyễn Ngọc	Phượng	19/09/2009	Nữ	TP.HCM	01DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,4	2,81	Khá	
61	54222420047	Huỳnh Ký	Quân	23/04/1992	Nam	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,3	3,35	Giỏi	
62	54222430033	Nguyễn Nhã	Quyên	05/07/2003	Nữ	Đồng Tháp	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,6	3,61	Xuất sắc	
63	54222430024	Nguyễn Đình	Tiến	05/05/1990	Nam	Gia Lai	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,2	3,33	Giỏi	
64	54212410026	Nguyễn Thị	Tiếp	09/12/2009	Nữ	Nghệ An	01DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	6,8	2,43	Trung bình	
65	54222420038	Lê Duy	Tuấn	16/11/1990	Nam	Đà Nẵng	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,5	3,51	Xuất sắc	
66	54222410145	Cao Thanh	Thảo	01/11/2009	Nữ	TP.HCM	02DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,7	2,96	Khá	
67	54222410028	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/09/1995	Nữ	An Giang	02DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,8	3,01	Giỏi	
68	54222430019	Nguyễn Ngọc	Thông	07/11/1982	Nam	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,6	3,61	Xuất sắc	
69	54222420072	Phan Anh	Thư	12/08/2005	Nữ	Đắk Lắk	02DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,7	2,90	Khá	
70	54222410022	Trần Anh	Thư	08/03/2003	Nữ	TP.HCM	02DD17D1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,1	3,18	Giỏi	
71	54222420023	Mai Trúc	Thư	23/04/1998	Nữ	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,3	3,33	Giỏi	
72	54212410065	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	05/08/2009	Nữ	TP.HCM	01DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,1	2,64	Khá	
73	54222420003	Ngô Ngọc	Trân	05/04/1989	Nữ	TP.Cần Thơ	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,2	3,15	Giỏi	
74	54222420017	Dương Toàn	Trung	25/12/1996	Nam	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,8	2,99	Khá	
75	54222420078	Võ Trần Thúy	Vi	12/11/1998	Nữ	TP.HCM	02DD17A1	Điều dưỡng	2024-2026	75	7,9	3,14	Giỏi	
76	54212410047	Phan Nguyễn Bảo	Vy	08/10/2009	Nữ	TP.HCM	01DD17C1	Điều dưỡng	2024-2026	75	6,9	2,49	Trung bình	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy Toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
											Thang điểm 10	Thang điểm 4		
77	54222420099	Phùng Trúc Vy		09/08/1994	Nữ	TP.HCM	02DD17B1	Điều dưỡng	2024-2026	75	8,6	3,69	Xuất sắc	
78	54222310001	Nguyễn Kim Hằng		03/02/1984	Nữ	Đồng Tháp	02KT16D1	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	8,1	3,28	Giỏi	
79	54222320025	Lê Huỳnh Ngọc		24/07/2001	Nữ	Tây Ninh	02KT16B1	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,4	2,74	Khá	
80	54222310015	Lê Anh Thư		04/09/2007	Nữ	TP.HCM	02KT16C1	Kế toán doanh nghiệp	2023-2025	50	7,2	2,72	Khá	
81	54232430003	Ngô Thị Bé		10/09/1993	Nữ	Kiên Giang	02KT17E1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	8,8	3,64	Xuất sắc	
82	54212410021	Hồ Thành Đạt		20/05/2009	Nam	TP.HCM	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	6,5	2,13	Trung bình	
83	54232420037	Nguyễn Thị Khánh Đoan		13/10/2002	Nữ	Tây Ninh	02KT17E1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	8,3	3,34	Giỏi	
84	54212410117	Võ Ngọc Khánh Hà		25/08/2009	Nữ	TP.HCM	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	7,5	2,89	Khá	
85	54232420023	Nguyễn Trung Hiếu		03/12/1989	Nam	TP.HCM	02KT17E1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	8	3,11	Giỏi	
86	54212410035	Ngô Nhã Kỳ		15/09/2009	Nữ	TP.HCM	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	7,2	2,60	Khá	
87	54212410109	Hoàng Văn Long		04/09/2009	Nam	Thanh Hóa	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	6,7	2,32	Trung bình	
88	54212420035	Nguyễn Hoàng Lộc		02/10/2006	Nữ	TP.Cần Thơ	01KT17A1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	7	2,57	Khá	
89	54212410063	Trà Như Nguyệt		24/01/2009	Nữ	TP.HCM	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	6,9	2,45	Trung bình	
90	54222420068	Thái Hồng Nhân		12/03/2006	Nam	Đồng Tháp	02KT17A1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	7,7	3,02	Giỏi	
91	54212410075	Lương Diễm Quỳnh		08/10/2009	Nữ	Nghệ An	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	6,8	2,40	Trung bình	
92	54232430004	Trương Thị Phương Thảo		11/02/1994	Nữ	Lâm Đồng	02KT17E1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	8,3	3,40	Giỏi	
93	54232430009	Lê Thị Huyền Trang		23/10/1992	Nữ	TP.HCM	02KT17E1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	8,9	3,67	Xuất sắc	
94	54212410053	Nguyễn Vy		20/02/2009	Nữ	TP.HCM	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	7,3	2,74	Khá	
95	54212410037	Lê Ngọc Yến		29/10/2009	Nữ	Tây Ninh	01KT17C1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	7,9	3,13	Giỏi	
96	1223360126	Ngô Tố Quyên		21/09/2007	Nữ	Đắk Lắk	01MK15C1	Marketing	2022-2024	51	6,4	2,19	Trung bình	
97	1213360103	Đào Huỳnh Gia Bảo		22/10/2006	Nam	TP.HCM	01MK16C1	Marketing	2023-2025	51	7,4	2,88	Khá	
98	54222410234	Phạm Tuấn Đạt		17/08/2003	Nam	Đồng Tháp	02MK17C1	Marketing	2024-2026	52	8	3,28	Giỏi	
99	54222410193	Vũ Bùi Nhật Nam		28/08/2008	Nam	Lâm Đồng	02MK17C1	Marketing	2024-2026	52	7,4	2,80	Khá	
100	54232320007	Nguyễn Phạm Phương Thảo		11/02/2000	Nữ	TP.HCM	02DN16E1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2025	51	7,4	2,71	Khá	
101	54222310101	Nguyễn Đình Chiến		19/05/2008	Nam	TP.HCM	02DH16C1	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	8,3	3,26	Giỏi	
102	54222310124	Nguyễn Thị Kiều Diễm		22/12/2008	Nữ	Gia Lai	02DH16C1	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	7,6	2,80	Khá	
103	54222310106	Chu Cẩm Ly		12/03/2008	Nữ	TP.HCM	02DH16C1	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	7,5	2,80	Khá	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy Toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
											Thang điểm 10	Thang điểm 4		
104	2223360195	Bùi Lê Ngọc	Trâm	02/05/2007	Nữ	Lâm Đồng	02DH15C1	Thiết kế đồ họa	2023-2025	53	7,3	2,55	Khá	
105	54222410094	Hoàng Thanh	Trúc	10/08/2009	Nữ	TP.HCM	02DH17C1	Thiết kế đồ họa	2024-2026	52	7,6	3,02	Giỏi	
106	2223180077	Trần Trung	Thiện	26/06/1989	Nam	Tây Ninh	02YS15B1	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	6,2	2,04	Trung bình	
107	2223360045	Nguyễn Ngọc	Thịnh	22/07/2002	Nam	TP.HCM	02YS15C1	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	6,6	2,30	Trung bình	
108	2223360266	Trần Thị Thu	Trúc	28/10/2004	Nữ	Gia Lai	02YS15D1	Y sỹ đa khoa	2022-2024	70	6,8	2,34	Trung bình	
109	54212410099	Nguyễn Hồ Ngọc	Ánh	03/04/2009	Nữ	TP.HCM	01YS17C1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	6,9	2,49	Trung bình	
110	54222420037	Phạm Châu	Đạt	21/08/1998	Nam	Khánh Hoà	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,1	3,32	Giỏi	
111	54222420079	Lê Quốc	Đạt	10/01/2000	Nam	Đồng Tháp	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,1	3,26	Giỏi	
112	54212430011	Trần Huy	Hạ	16/09/2000	Nam	Tây Ninh	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	7,9	3,17	Giỏi	
113	54222420010	Mai Trung	Hiếu	28/05/2000	Nam	Đồng Nai	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,1	3,28	Giỏi	
114	54222430023	Trần Đặng Ngọc	Hiếu	17/08/1986	Nữ	TP.HCM	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	9,1	3,85	Xuất sắc	
115	54222420030	Đỗ Thị Mỹ	Hợp	02/05/2006	Nữ	Gia Lai	02YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	7,4	2,81	Khá	
116	54222420014	Đặng Nhật	Huy	14/02/2005	Nam	TP.Cần Thơ	02YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	7,7	3,12	Giỏi	
117	54212420037	Bùi Gia	Kiên	02/02/1980	Nam	Hung Yên	01YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,1	3,29	Giỏi	
118	54222410160	Huỳnh Đức	Lương	14/02/2003	Nam	Cà Mau	02YS17D1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,5	3,58	Xuất sắc	
119	54222430027	Vân Thị Khánh	Ly	22/03/1991	Nữ	TP.Huế	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,5	3,61	Xuất sắc	
120	54222430030	Trịnh Hoàng Yến	Nhi	16/01/2002	Nữ	Lâm Đồng	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,4	3,43	Giỏi	
121	54222420088	Xà Thị Kim	Phương	29/06/1996	Nữ	Lâm Đồng	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,4	3,43	Giỏi	
122	54222420024	Lê Phước	Sang	11/09/2001	Nam	Kiên Giang	02YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,4	3,45	Giỏi	
123	54222430028	Lê Thị Bích	Tú	01/10/2002	Nữ	Quảng Ngãi	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8	3,12	Giỏi	
124	54222420035	Nguyễn Hoàng	Thanh	05/12/1961	Nam	TP.HCM	02YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	7,3	2,80	Khá	
125	54222430015	Lê Vũ Thị Thanh	Thảo	30/04/1993	Nữ	Gia Lai	02YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,2	3,53	Giỏi	Hạ từ xuất sắc xuống giỏi do thi lại 1 môn Bệnh ngoại khoa
126	54222420081	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/12/2006	Nữ	Lâm Đồng	02YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	7,4	2,71	Khá	
127	54222420092	Nguyễn Hữu	Thiên	06/08/1998	Nam	Thanh Hóa	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,4	3,36	Giỏi	
128	54222430026	Phan Quốc	Trạng	18/05/1998	Nam	Đắk Lắk	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,1	3,26	Giỏi	
129	54222420026	Hứa Hiền	Trung	11/12/2000	Nam	Đồng Tháp	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8	3,16	Giỏi	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh (sau sáp nhập)	Mã lớp	Ngành học	Khóa học	Tổng số tín chỉ	Điểm TBC tích lũy Toàn khóa		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 10	Thang điểm 4		
130	54222430021	Đoàn Bảo Việt	08/05/1994	Nam	Lâm Đồng	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	7,9	3,26	Giỏi	
131	54222420074	Đặng Duy Vũ	02/06/1998	Nam	Quảng Ngãi	02YS17B1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,2	3,29	Giỏi	
132	54212420024	Nguyễn Thị Như Ý	07/11/2006	Nữ	TP.HCM	01YS17A1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,5	3,54	Xuất sắc	
133	2203360012	Hồ Chí Tâm	02/02/1985	Nam	TPHCM	02TW13D1	Thiết kế và quản lý website	2020-2023	54	7,2	2,92	Khá	
134	54222310167	Trần Anh Khoa	12/07/1996	Nam	TPHCM	02DN16E1	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2023-2025	51	7,6	3,02	Giỏi	
135	54232430005	Trương Thị Bích Tuyền	28/09/1996	Nữ	Khánh Hoà	02KT17E1	Kế toán doanh nghiệp	2024-2026	50	8,4	3,51	Xuất sắc	
136	54222310184	Trần Văn Thái	15/11/2004	Nam	TP Cần Thơ	02MK16C1	Marketing	2023-2025	51	7,4	2,81	Khá	
137	54222410041	Vô Thị Hồng Nhung	23/01/1994	Nữ	Vĩnh Long	02YS17C1	Y sỹ đa khoa	2024-2026	72	8,4	3,46	Giỏi	
138	54222320030	Hoàng Xuân Phước	22/10/2001	Nam	TP Huế	02YS16A1	Y sỹ đa khoa	2023-2025	71	7,3	2,56	Khá	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026
PHÒNG ĐÀO TẠO